

Bản án số: 09/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 28/6/2019

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải và ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về ly hôn, nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX - ST ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ninh Thị C - sinh năm 1986;

Trú tại: Xóm N. M, xã YL, huyện Ph L, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Ma Văn L - sinh năm 1982;

Trú tại: Xóm PD2, xã PD, huyện Ph L, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện nay đang cư trú tại Đ L - Trung Quốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ninh Thị C trình bày: Chị và anh L kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YL, huyện Ph L, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Sau khi kết hôn chị và anh L về ở với bố mẹ chồng được khoảng một năm thì ra ở riêng tại xóm PD 2, xã PD, huyện Ph L, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Một thời gian sau anh L không còn quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi chửi nhau và anh L đã đánh chị. Năm 2013, chị phải đưa con về ở với bố mẹ đẻ của chị và vợ chồng sống ly thân từ đó. Khoảng tháng 3 năm 2017, anh L đi nước ngoài (Đ L - Trung Quốc) và đến nay vẫn chưa về nước. Từ khi anh L đi nước ngoài, chị vẫn liên lạc được với anh L, đã nhiều lần chị yêu cầu anh L cung cấp địa chỉ ở nước ngoài của anh L nhưng anh không cung cấp. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung Ma Quốc Ph, sinh ngày 08/10/2009. Hiện nay cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh của Tòa án ngày 10/5/2019 (lần 1) Toà án đã yêu cầu bà Hầu Thị B - đại diện thân nhân (mẹ đẻ) của anh L cung cấp địa chỉ, tin tức cụ thể của anh L nhưng bà B chỉ xác định anh L hiện đang ở nước ngoài (Đ L - Trung Quốc) và vẫn thỉnh thoảng gọi điện về cho bà, nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể ở nước ngoài của anh L để cung cấp cho Tòa án. Tại biên bản xác minh (lần 2) của Toà án, bà B cũng vẫn xác định anh L đang ở nước ngoài (Đ L - Trung Quốc) nhưng bà cũng vẫn không biết địa chỉ, tin tức cụ thể ở nước ngoài của anh L. Khi nhận được các văn bản của toà án bà có thông tin cho anh L biết thì anh L có nói lại: Anh không có điều kiện gửi lời khai về cho Toà án. Nếu chị C cương quyết xin ly hôn thì tùy chị C và anh cũng nhất trí, vì vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong cuộc sống.

Về con chung, anh công nhận vợ chồng anh có 01 con chung Ma Quốc Ph, sinh ngày 08/10/2009. Khi ly hôn anh cũng có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng hiện nay anh đang ở nước ngoài nên anh nhất trí để chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ph và anh sẽ có trách nhiệm với con sau này.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, anh xác định không có.

Anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến của nguyên đơn cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại Công văn số 1191/PA01 ngày 05/03/2019 của Phòng An ninh đối ngoại - Công an tỉnh Thái Nguyên về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam thể hiện anh Ma Văn L - sinh ngày 15/4/1982 đã xuất cảnh ngày 19/3/2017, chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị C là người Việt Nam ở trong nước và bị đơn anh L là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng chị C chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ ở nước ngoài, tin tức của anh L. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh L là bà Hầu Thị B có đủ căn cứ xác định anh L vẫn liên lạc với gia đình bà nhưng bà không cung cấp được địa chỉ, tin tức của bị đơn anh L và anh L cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Toà án. Toà án đã hai lần yêu cầu bà B cung cấp địa chỉ của anh L ở nước ngoài nhưng bà B cũng vẫn không cung cấp được. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối

Cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Chị Ninh Thị C và anh Ma Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y L, huyện Ph L, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Theo chị C khai: Sau khi kết hôn chị và anh L về ở với bố mẹ chồng được khoảng một năm thì ra ở riêng tại xóm PhĐ 2, xã PhĐ, huyện Ph L, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Một thời gian sau anh L không còn quan tâm đến chị và con, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi chửi nhau và anh L đã đánh chị. Năm 2013, chị đưa con về ở với bố mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó. Khoảng tháng 3 năm 2017, anh L đi nước ngoài (Đ L - Trung Quốc) và đến nay vẫn chưa về nước. Từ khi anh L đi nước ngoài, chị vẫn liên lạc được cho anh L nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn gay gắt hơn. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

[5] Phía bị đơn anh L mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, anh cũng nhất trí ly hôn vì vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Như vậy, có căn cứ cho thấy, giữa chị C và anh L đã không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu chăm sóc đến nhau nữa, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng. Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn nên cho chị C được ly hôn anh L là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

[6] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Ma Quốc Ph, sinh ngày 08/10/2009, hiện nay cháu đang ở với chị C và chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Thông qua đại diện thân nhân là bà B thì ý kiến của anh L cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, nhưng hiện nay anh đang ở nước ngoài nên anh nhất trí để chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ph và anh sẽ có trách nhiệm với con sau này. Tại đơn đề nghị của cháu Ph (trên 07 tuổi) thì nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ. Nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L do chị C không yêu cầu. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[7] Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị C không yêu cầu tòa án giải quyết, phía anh L không có lời khai bằng văn bản nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[8] Án phí: Chị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị C được ly hôn anh L; Con chung: Giao con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L vì chị C không yêu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 39, 147 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ công văn số 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối Cao; các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ninh Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị C được ly hôn anh Ma Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Ma Quốc Ph, sinh ngày 08/10/2009 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L do chị C không yêu cầu. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Án phí: Chị Ninh Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số số 0008765 ngày 05/4/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Xác nhận chị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- UBND xã YL, huyện Ph L, tỉnh TN;
- UBND xã PD, huyện Ph L, tỉnh TN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Nguyễn Văn Quế

